

ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO THỜI MINH MẠNG ĐỐI VỚI NỀN VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT DÂN TỘC

Nhận bài:

07 – 12 – 2016

Chấp nhận đăng:

25 – 03 – 2017

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Duy Phương

Tóm tắt: Đối với dân tộc Việt Nam, Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn là thành tố quan trọng góp phần xây dựng nền văn hóa dân tộc. Dưới thời vua Minh Mạng, cùng với sự phát triển trên nhiều phương diện, Phật giáo đã tạo nên những sản phẩm văn hóa mang nhiều giá trị, đóng góp to lớn cho sự phát triển của nền văn hóa - nghệ thuật đương thời. Vì vậy, qua việc phân tích những giá trị đặc sắc của ngôi chùa, chuông chùa và tượng thờ thời Minh Mạng, bài viết sẽ cho thấy những đóng góp của Phật giáo giai đoạn này trên phương diện văn hóa - nghệ thuật; từ đó giúp chúng ta có nhận định đúng đắn về Phật giáo thời vua Minh Mạng trị vì, đồng thời góp phần vào công cuộc bảo tồn và phát triển nền văn hóa - nghệ thuật dân tộc.

Từ khóa: Phật giáo; văn hóa; nghệ thuật; Minh Mạng; dân tộc.

1. Đặt vấn đề

Phật giáo cũng như các tôn giáo khác là một thành tố quan trọng trong đời sống tinh thần của con người, hướng con người đạt tới Chân - Thiện - Mỹ. Đối với Việt Nam, Phật giáo đã ăn sâu bám rễ trong đời sống tâm linh của dân tộc. Trải qua bao biến động, lúc thịnh lúc suy, nhưng Phật giáo đã tự khẳng định là một thành tố không thể tách rời của văn hóa dân tộc. Đó không chỉ là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể mà còn làm cho văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy.

Dưới thời vua Minh Mạng, với bối cảnh xã hội thuận lợi cùng nhiều chính sách cởi mở của triều đình, Phật giáo đã có bước phát triển hơn so với các giai đoạn trước đó. Không chỉ mang đến những giá trị tinh thần thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của đông đảo tín đồ Phật tử, giúp vua an dân, trị nước mà Phật giáo giai đoạn này còn tạo nên những sản phẩm văn hóa vật chất mang nhiều giá trị, đóng góp to lớn cho sự phát triển của nền văn hóa, nghệ thuật đương thời.

2. Nội dung

2.1. Ngôi chùa

Trong các công trình kiến trúc Phật giáo, ngôi chùa luôn được xem là nơi hội tụ nhiều tinh hoa, giá trị văn hóa - nghệ thuật nhất. Dưới triều Minh Mạng, nhiều ngôi cổ tự đã được cả Nhà nước và dân chúng hợp sức trùng hưng; một số chùa được dựng mới không chỉ đẹp về cảnh quan mà còn mang đầy tính thẩm mỹ trong kiến trúc xây dựng, trở thành những đại danh lam thắng cảnh nổi tiếng cả nước. Tiêu biểu như: chùa Hoằng Phúc (Quảng Bình), chùa Long Phước (Quảng Trị), chùa Giác Hoàng (Huế), chùa Thánh Duyên (Huế), chùa Linh Ứng (Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng), Vĩnh An (Quảng Nam), chùa Bát Nhã (Phú Yên) chùa Khải Tường (Gia Định)..., nhưng có lẽ đẹp và mang nhiều ý nghĩa nghệ thuật nhất phải kể đến chùa Thánh Duyên (Huế).

* Liên hệ tác giả

Nguyễn Duy Phương

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: ndphuong@ued.udn.vn



Ảnh 1. Tam cấp lên chùa Thánh Duyên (Huế)

(Ảnh do tác giả chụp ngày 5.5.2014)

Chùa Thánh Duyên tọa lạc ở núi Thúy Vân, nay thuộc làng Hiền An, xã Vinh Hiền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo sử sách, trước kia núi Thúy Vân gọi là núi Mỹ Am, trên núi có chùa Thánh Duyên. Người ta không rõ chùa xây dựng từ bao giờ, chỉ biết từ mùa xuân năm Nhâm Thân (1692), chúa Nguyễn Phúc Chu đã cho tu sửa nhưng sau đó lại bị phá hủy gần hết dưới thời Tây Sơn. Năm 1825, trong một lần ngự giá đến cửa biển Tư Hiền, vua Minh Mạng đã đổi tên núi Mỹ Am thành núi Thúy Hoa¹ và cho trùng tu chùa. Đến năm 1836, nhà vua lại quyết định cho đại trùng kiến toàn bộ chùa Thánh Duyên. *Sử triều Nguyễn* đã chép về sự việc này như sau:

“Nay (năm Minh Mạng thứ 17) chuẩn cho dựng lên ở núi Thúy Vân: một chùa, một gác, một tháp, chùa gọi là Thánh Duyên, gác gọi là Đại Từ, tháp gọi là tháp Điều Ngự... Tuân phụng lời dụ, dựng một chùa Thánh Duyên, 3 gian 2 chái, một tòa gác Đại từ, tầng trên 3 gian, tầng dưới 3 gian 2 chái và một tháp Điều Ngự 3 tầng tất cả cao 3 trượng thước 9 tấc. Năm thứ 18, chuẩn y lời tâu, cho dựng tầng xá ở bên tả chùa Thánh Duyên, một tòa 3 gian 2 chái, để làm chỗ sư chùa ấy trụ trì và 2 sở nhà bếp đều 1 gian” [3, tr.73].

Khảo sát chùa Thánh Duyên hiện nay, chúng tôi nhận thấy phần lớn những công trình được đề cập trong đoạn tư liệu trên vẫn còn hiện diện cho đến ngày nay với nhiều dấu ấn kiến trúc đặc sắc. Chùa Thánh Duyên

mang đậm nét phong cách kiến trúc triều Nguyễn theo kết cấu *trùng thiềm điệp ốc* với nhiều lớp lang mềm mại, thanh tao. Thêm vào đó, có đầm Cầu Hai làm tiền án, núi Thúy Vân làm hậu chẩm làm cho ngôi chùa có địa thế “*toạ sơn hướng thủy*” vô cùng đẹp mà ít nơi nào có được. Dọc theo con đường ẩn mình dưới những góc thông cổ thụ, từ chân núi đến đỉnh núi, người thường ngoạn có thể cảm nhận những bức tranh sơn thủy hữu tình và thường xuyên biến đổi khi phóng tầm mắt từ những cao độ khác nhau của chùa Thánh Duyên - Gác Đại Từ - Tháp Điều Ngự. Sự kết hợp hài hòa giữa các khối kiến trúc với mênh mông của mây trời nước biển, cỏ cây hoa lá khiến bất cứ ai đến với chùa cũng có thể cảm nhận cái tĩnh lặng, u nhàn của chốn thiền môn, sự quyện hòa nhuần nhị giữa thiên nhiên và con người. Chính vẻ đẹp trong cảnh quan, kiến trúc của quốc tự Thánh Duyên đã tạo nên cảm hứng thi ca cho không ít du khách khi đến viếng chùa. Ngôi cổ tự này cũng vinh dự được vua Thiệu Trị xếp vào hàng danh thắng thứ 9 của đất kinh đô.

Có thể nói, hệ thống chùa chiền được xây dựng và trùng tu bởi dân chúng và hoàng tộc nhà Nguyễn đã đóng góp nhiều giá trị to lớn cho nền văn hoá nghệ thuật của dân tộc. Hầu hết các chùa chiền đều tọa lạc ở những nơi có phong cảnh đẹp của đất nước nên nó đã trở thành những di tích văn hoá, danh lam thắng cảnh tô điểm thêm cho vẻ đẹp của núi sông quê hương đất Việt.

2.2. Chuông chùa

Khi nói đến các giá trị văn hóa Phật giáo thời Minh Mạng sẽ thật thiếu sót nếu không nhắc đến chuông chùa. Bằng bàn tay tài hoa của người thợ, chuông chùa không chỉ là pháp khí quan trọng của Phật giáo mà còn là tác phẩm nghệ thuật mang chở nhiều giá trị.



Ảnh 2. Đại hồng chung chùa Hoàng Phúc (Quảng Bình), đúc năm Minh Mạng thứ 20 (1839)

(Ảnh do Cư sĩ Nguyễn Văn Thịnh cung cấp)

¹Núi Thúy Hoa: năm 1841, vua Thiệu Trị cho đổi thành núi Thúy Vân vì kỵ húy thân mẫu nhà vua là bà Hồ Thị Hoa

Về kích thước, chuông chùa giai đoạn này có chiều cao trung bình đều trên dưới 1m, riêng chuông Phổ Quang (Nam Định, đúc năm 1831) có kích thước đến 1.67m. Đây cũng là kích thước phổ biến của chuông thời Gia Long, Thiệu Trị và Tự Đức. Về kiểu dáng và trang trí, bên cạnh một số chuông mang kiểu dáng và hoa văn trang trí thời Lê và Tây Sơn², thì phần lớn chuông đầu thế kỉ XIX đã định hình được phong cách riêng, và trở thành khuôn mẫu chung cho chuông đồng cả thời Nguyễn. Đó là chuông thường có thân hình trụ, cao, thành đứng, vai gàn vuông, miệng loe rộng, không trang trí, dật hai cấp [1, tr.54]. Tiêu biểu như chuông các chùa Phổ Quang (1831), Dư Duệ (1838), Long Nhiên (1829), Na Lai (1840), Viên Quang (1822)³..., trong đó lớn nhất và đẹp nhất phải kể đến chuông chùa Phổ Quang.

Chuông chùa Phổ Quang thuộc xã Đặng Xá, huyện Thượng Nguyên, tỉnh Nam Định, có chiều cao toàn bộ 1.67m, chiều cao quai 46cm, đường kính miệng 58.1cm, chu vi của đai 220cm. Chuông có màu xám, hình trụ, vai gàn vuông đỉnh bằng. Quai chuông là hình hai con Bò Lao⁴ đầu lưng nhau, đỉnh quai là đuôi Bò Lao xoắn thành 5 dải tua, lộ hai chân 4 móng và những dải mây. Hai đầu Bò Lao đối xứng nhau, mũi cao, miệng ngậm ngọc, râu uốn, ria chạy dọc hai chân khuynh dính vào đỉnh chuông, mắt lồi, mày 3 chẻ, tai thò, sừng chạc hươu, bờm mây lửa uốn, vây nhọn sắc chạy dọc sống lưng, vây hình long công, giữa hai chân có hình âm dương viền ngoài, có hào quang mây lửa ở gần đỉnh chuông, chân có 5 móng. Cũng như những chuông khác, thân chuông được chia làm 8 ô, 4 trên và 4 dưới. 4 chữ đại tự (Phổ - Quang - tự - chung) được đúc nổi theo kiểu chữ chân, trong ô là đề có ba đường viền nổi trên 4 ô thân trên, hai góc trên trang trí cành lá dương xỉ, hai góc

dưới là hồi văn thước thợ. Chữ khắc trong 4 mặt. Thân dưới 4 ô chữ nhật nằm ngang, đúc nổi tứ linh và vân mây. Bốn núm gõ tròn dẹt, viền ngoài có 27 hạt tròn kiểu nhũ đỉnh trên viền đai nổi ở giữa, hai bên có hai băng hoa chanh. Giáp gờ miệng có băng hồi văn chữ T ngược nhau, miệng đứng, dày, có hai cấp, viền ngoài miệng đúc nổi nền gấm chữ vạn [1, tr.29]. Xét về mặt nghệ thuật, chuông chùa Phổ Quang thực sự xứng đáng là một tác phẩm điêu khắc đặc sắc, phản ánh rõ nét phong cách nghệ thuật thời Nguyễn.

Không chỉ có giá trị về mặt nghệ thuật, bài minh văn trên các chuông chùa còn hàm chứa nhiều ý nghĩa về lịch sử và văn hóa dân tộc. Trong hầu hết các bài minh văn chuông chùa giai đoạn này, chúng ta đều thấy có đoạn bàn luận về tiếng chuông, về tác dụng của chuông chùa, qua đó phản ánh khá rõ ràng triết lý Phật giáo của dân gian cũng như đời sống tư tưởng văn hóa đương thời. Minh văn chuông chùa Sùng Nghiêm (1837) cho biết: *“Tiếng chuông là một âm trong âm nhạc, là hiệu lệnh của nhà chùa. Người nghe tiếng chuông có thể giác ngộ lòng trần, xé mở màn mê. Vì vậy, ở nước ta, qua từng triều đại, không nơi nào không có chùa, không chùa nào không có chuông”* [6, tr.80]. Đồng thời, bài minh văn cũng phản ánh một triết lý Phật giáo khá giản đơn và một quan điểm sống đầy hướng thiện *“Tôi thấy rằng: Đạo Phật rộng lớn, cảm hóa lòng người, cả thôn đồng tình, lòng tốt rộng mở... Tôi nói: Quý áp đồng lòng làm việc thiện, làm việc thiện trời cho hưởng phúc, làm việc thiện được hưởng phúc lộc, nhiều người làm việc thiện thì phúc lộc càng nhiều”* [6, tr.80]. Minh văn chuông chùa Yên Khánh (1835) cũng có cùng tư tưởng đó: *“Nghe tiếng chuông chùa/Lòng người giác ngộ/ Làm nhiều việc thiện/Hưởng nhiều phúc lành”* [6, tr.80]. Minh văn chuông chùa Linh Tiên (1822) lại chứa một ước vọng thật lớn lao, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ giữa vương quyền và thần quyền:

“Ngôi vua bền vững, ngày Phật dài lâu!

Chín đỉnh sáng ngời, nơi nơi trở thành an lạc;

Muôn dân yên ổn, ngày ngày hiểu đạo thêm sâu.

Dân lành càng thọ càng an;

Thí chủ được hưng được thịnh.

Tăng ni thấm sâu đức Phật;

Muôn dân vui hưởng phúc lành” [1, tr.73].

²Chuông chùa Bồng Lai ở Hà Tĩnh đúc 1820, chuông chùa Linh Tiên ở Quảng Bình đúc năm 1822.

³1-*Viên Quang tự chung* (1822), Xã Năng Lữ, huyện Mỹ Lộc, phủ Thiên Trường, Nam Định; 2-*Dư Duệ tự chung* (1840), Thôn Điện Tiên, xã Đề Cầu, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, xứ Bắc Ninh; 3- *Na Lai tự chung* (1840), Thôn Liên Cúc, xã Hưng Lục, huyện An Lạc, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây (cũ).

⁴Bò Lao là một loài thú sống dưới biển, có hình dáng giống Rồng.

Những biến cố lịch sử đã xảy ra trong các thế kỉ XVI-XVIII và dư âm của nó trong tâm tưởng của dân lành cũng được phản ánh sinh động qua các bài minh văn trên chuông chùa thời kì này. Minh văn chuông chùa Thanh Am (1836) cho biết: “*Chùa Thanh Am ở thôn Tiên, xã Hư tả xưa có chuông to. Trải mấy ngàn năm, ngày ngày đêm đêm, tiếng chuông âm vang, thức tỉnh nổi lo trần thế. Bỗng nhiên gặp cảnh chiến tranh, giặc dã xâm lược, chuông bị dùng để đúc tiền...*” [6, tr.45]. Minh chuông chùa Sơn Thủy (1828): “*Vào triều Lê, nhân vì chiến tranh, chuông cũ bị mất*” [6, tr.45]. Minh văn Trù Thủ tự chung⁵: “*Thôn Thượng có hai chùa, một là Thiệu Long tự, một chùa là Trù Thủ tự, mỗi chùa đều có chuông. Nhưng vào năm Bình Ngô có biến cố của Tây Sơn nên hai quả chuông đều bị thất tán. Trải đến nay đã hơn 30 năm, dân thôn cùng nhau đóng góp để đúc lại quả chuông mới*”. Minh văn chuông chùa Sùng Ân (1821): “*Chùa Sùng Ân ta từ xưa vốn đã có chuông, gặp thời biến loạn, bọn vô đạo đã lấy đi mất*” [6, tr.104]. Như vậy, những minh văn chuông chùa này đã phản ánh một thực tế lịch sử là nhiều chùa trước đây đã có chuông nhưng từ sau thời Lê bị mất do chiến tranh loạn lạc và lệnh tịch thu đồ đồng để đúc tiền của nhà Tây Sơn, đến thời Minh Mạng thì chùa mới có điều kiện để đúc lại chuông mới. Chuông, vật linh thiêng của nhà chùa còn bị chính quyền tịch thu, bị kẻ gian lấy trộm thì chắc chắn tình hình Phật giáo dưới thời Tây Sơn cũng không mấy sáng sủa, vị thế của Phật giáo đối với giai cấp cầm quyền đã suy giảm rất nhiều. Ngược lại, nó cũng cho thấy một sự phục hưng của Phật giáo đầu triều Nguyễn.

Minh văn chuông chùa còn là những tác phẩm văn học dân gian đầy mỹ cảm. Giá trị văn học trên các bài minh văn tập trung ở những đoạn tả cảnh, những vần thơ. Từ các thể thơ 5 chữ hoặc 8 chữ đầy ý hàm súc đã gợi ra một khung cảnh quê hương tươi đẹp và thật yên bình. Đoạn mở đầu của bài minh trên chuông chùa Bồng Lai (1820) đã khắc họa cảnh quan một vùng quê huyện Nghi Xuân phủ Đức Quang, nơi có núi Hồng Lĩnh, tọa lạc ngôi chùa Bồng Lai:

*Núi Hồng Lĩnh chót vót,
Sông Lam giang rộng dài,
Giữa sông cồn cát nổi,
Có tháp cổ Bồng Lai.
Cảnh quan nhiều ngoạn mục,
Đã trải nhiều đổi thay!
Chuông chùa phải đúc lại,
Để hưởng phúc lâu dài!* [1, tr.88].

Lời ký trong bài minh văn chuông chùa Viên Quang (1822) cũng mô tả cảnh quan xung quanh chùa như một bức tranh hùng vĩ: “*Nay phía trước thôn ta đã có ngôi chùa tháp thoáng trên núi gọi là chùa Viên Quang, địa hình ở đó như có hổ châu rồng lượn, cảnh vật ở đó có nhiều tre non sông xanh, dẫu chưa đủ năm âm thanh so với chuông ở Hạ Đình, nhưng cũng cần một quả để khác biệt ở vùng Thực Cảnh...*” [1, tr.88].

2.3. Tượng Phật

Tượng thờ trong Phật giáo Việt Nam thời Minh Mạng cũng rất giàu tính nghệ thuật, được tu tạo khá nhiều và đã định hình được phong cách riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng cho nghệ thuật tạc tượng của dân tộc. Đến nay, nhiều tượng Phật được đúc trong giai đoạn này vẫn còn được tôn trí tại các chùa. Quốc tự Thánh Duyên là một trong những nơi còn lưu giữ được nhiều pho tượng có niên đại tạo lập thời Minh Mạng. Qua bản *thống kê tự khí, pháp khí chùa Thánh Duyên*, chúng ta biết được cả một hệ thống tượng có niên đại Minh Mạng thứ 17 (1835), hiện phần lớn đang được tôn trí tại chánh điện chùa. Đó là các bộ tượng Phật Tam Thế, Thập bát La Hán, Thập điện Minh Vương và các tượng Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền, Hộ Pháp, Quan Âm tổng tử, Bồ Đề Đạt Ma, Quan Công.

Nếu so sánh với dòng tượng Phật giáo ở Việt Nam trong các thời kì trước và sau nhà Nguyễn thì tượng Phật giai đoạn này đã có một sự thống nhất về mặt hình thể, khuôn mặt và cách xử lý tượng đa chiều: tượng tròn chứ không phẳng dẹt, mặt bầu, thân hình thấp lùn, tay chân mũm mĩm, các hình thức trang trí trên tượng cũng giảm bớt nhiều, dáng vẻ gần gũi, thuần phác, hồn nhiên đến ngô nghê. Chúng ta dễ dàng cảm nhận được điều này qua các pho tượng được đúc vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836) tại chùa Thánh Duyên (Huế). Ngay cả các tượng La Hán ở đây cũng có dáng ngồi rất thoải mái, nét mặt hồn nhiên vô tư chứ không “đăm chiêu”, “khắc khổ” như thường thấy.

⁵Trên chuông chùa La Vân, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, địa danh ghi trên văn bản là thôn Thượng, xã La Cẩm, huyện Quỳnh Côi, phủ Thái Bình, N043138, chuông đúc năm Minh Mệnh thứ 2 (1821).



Ảnh 3. Bộ tượng Thập Bát La Hầncù chùa Thánh Duyên (Huế)
(Ảnh do tác giả chụp ngày 5/5/2014)

Nói đến tượng Phật thế kỉ XIX, không thể không nhắc đến pho tượng Phật Thích Ca ở chùa Khải Tường (Gia Định). Đây là pho tượng được làm bằng gỗ mít nguyên khối, do chính vua Minh Mạng cho chế tác để cúng dường cho chùa Khải Tường nhân dịp khánh thành. Pho tượng cao gần 2m, được sơn son thếp vàng độc đáo, tay bắt ấn tam muội (hai bàn tay đan vào nhau, ngửa lòng đặt dưới rốn) và trên ngực có chạm hình chữ Vạn, khuôn mặt bầu bĩnh. Đây là pho tượng Phật lớn nhất ở miền Nam đương thời, nên dân gian còn gọi chùa Khải Tường là “chùa Phật lớn” hay “chùa ông Phúc”.



Ảnh 4. Tượng Phật Thích Ca do vua Minh Mạng cúng
dường cho chùa Khải Tường (Gia Định)⁶.

⁶Hiện được tôn trí tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh.

3. Kết luận

Trong Phật giáo, ngoài các giá trị được nêu ở trên, các ngôi chùa còn chứa đựng nhiều giá trị văn hóa vật thể khác, kết tinh trong các tháp mộ, bia đá, khánh đá, câu đối, hoành phi, biển gỗ... Đây thực sự là những viên ngọc vô giá không chỉ góp phần đưa đến sự phát triển rực rỡ cho nền văn hóa nghệ thuật thời Nguyễn mà còn điểm tô thêm cho bản sắc văn hóa Việt Nam. Ngày nay, văn hóa được xác định là động lực, mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội. Việc chắc lọc, gạn tìm từ giá trị của lịch sử văn hóa, một mặt, khẳng định truyền thống văn hóa của dân tộc, mặt khác, sẽ tìm ra những lời gợi ý, kinh nghiệm cho sự phát triển của ngày hôm nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Thúy Hợp (1998), “Sưu tập chuông thời Nguyễn tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam”, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Lê Đình Hùng (2014), “Địa thế núi Thúy Vân và kiến trúc Quốc tự Thánh Duyên qua bia Ngự chế của vua Minh Mạng”, Tạp chí Liễu Quán, số 3, tr.29.
- [3] Nội các triều Nguyễn (2005), Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Bản dịch, in lần thứ 2, Tập 7, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [4] Thích Không Nhiên, Trần Đình Sơn, Võ Vinh Quang (2014), “Bản thống kê tự khí, pháp khí chùa Thánh Duyên, đời Thành Thái vừa được phát hiện”, Tạp chí Liễu Quán, số 3, tr.54-74.
- [5] Nguyễn Duy Phương (2014), “Chính sách của triều Minh Mạng đối với quốc tự (1820-1840)”, Tạp chí Huế Xưa và Nay, số 123.
- [6] Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2000), Văn khắc trên chuông khánh triều Nguyễn, Hà Nội (lưu hành nội bộ).

CONTRIBUTION OF BUDDHISM IN MINH MANG PERIOD TO THE NATIONAL ARTISTIC CULTURE

Abstract: To the Vietnamese people, Buddhism is not only a religion but also as an important element that contributes to the construction of the national culture. Under King Minh Mang's reign, along with many-faceted development, Buddhism created cultural products of great values that contributed significantly to the development of the contemporary artistic culture. Thus, through an analysis of the outstanding values of pagodas, pagoda bells and statues in Minh Mang's time, the article presents the contribution of the Buddhism in this period to the artistic culture, thereby providing us with a proper look at Buddhism under King Minh Mang's reign as well as help contributing to the conservation and development of the national artistic culture.

Key words: Buddhism; culture; arts; Minh Mang; national.